



Tài liệu thông tin cho cán bộ Y Tế

Bảng dưới đây trình bày các phản ứng phụ xảy ra trong thời gian nghiên cứu lâm sàng hoặc được báo cáo tự phát. Tần suất được định nghĩa bằng quy ước sau đây: thường gặp (#1/100 đến < 1/10); ít gặp (#1/1.000 đến < 1/100); hiếm gặp (#1/10.000 đến < 1/1.000); rất hiếm (< 1/10.000). Trong mỗi hệ cơ quan, các phản ứng phụ được trình bày theo thứ tự độ nghiêm trọng giảm dần.

Hệ cơ quan	Thường gặp	Ít gặp	Hiếm gặp	Rất hiếm
Rối loạn máu và hệ bạch huyết		Giảm tiểu cầu, giảm bạch cầu, tăng bạch cầu ái toan	Giảm bạch cầu trung tính, kể cả giảm bạch cầu trung tính nặng	Ban xuất huyết giảm tiểu cầu (TTP) (xem mục Lưu ý đặc biệt và thận trọng khi dùng), thiếu máu bất sản, thiếu máu toàn dòng, mất bạch cầu hạt, giảm tiểu cầu nặng, giảm bạch cầu hạt, thiếu máu
Rối loạn hệ miễn dịch				Bệnh huyết thanh, phản ứng giống phản vệ
Rối loạn tâm thần				Ảo giác, lú lẫn
Rối loạn hệ thần kinh		Xuất huyết nội sọ (một số trường hợp được báo cáo có kết cục tử vong), nhức đầu, dị cảm, hoa mắt		Rối loạn vị giác
Rối loạn mắt		Chảy máu mắt (kết mạc, nhãn cầu, võng mạc)		
Rối loạn tai và mê đạo			Chóng mặt	
Rối loạn mạch máu	Tụ máu			Xuất huyết nghiêm trọng ở vết mổ, viêm mạch máu, hạ huyết áp
Rối loạn hô hấp. Lồng ngực và trung thất	Chảy máu cam			Xuất huyết đường hô hấp (hở ra máu, xuất huyết phổi), co thắt phế quản, viêm phổi kẽ
Rối loạn tiêu hóa	Xuất huyết tiêu hóa, tiêu chảy, đau bụng, khó tiêu	Loét dạ dày và loét tá tràng, viêm dạ dày, ói mửa, buồn nôn, táo bón, đầy bụng	Xuất huyết sau màng bụng	Xuất huyết tiêu hóa và sau màng bụng với kết cục tử vong, viêm tụy, viêm đại tràng (kể cả viêm loét đại tràng limphô), viêm miệng
Rối loạn gan mật				Suy gan cấp, viêm gan, xét nghiệm chức năng gan bất thường
Rối loạn da và mô dưới da	Vết bầm máu	Nổi mẩn, ngứa, xuất huyết dưới da (ban xuất huyết)		Viêm da phồng rộp (hoại tử biểu bì nhiễm độc, hội chứng Stevens Johnson, đỏ da đa dạng), phù mạch, nổi mẩn đỏ, mề đay, chàm, lichen phẳng
Rối loạn cơ, xương và mô liên kết				Xuất huyết cơ-xương (tụ máu khớp), viêm khớp, đau khớp, đau cơ
Rối loạn thận và đường tiểu		Tiểu máu		Viêm vi cầu thận, tăng creatinin
Rối loạn toàn thân và tình trạng tại chỗ dùng thuốc	Chảy máu chỗ tiêm			Sốt
Thăm dò cận lâm sàng		Thời gian chảy máu kéo dài, giảm bạch cầu trung tính, giảm tiểu cầu		

* Thông báo cho bác sĩ nếu gặp bất kỳ tác dụng không mong muốn nào xảy ra.

QUÁ LIỀU: Quá liều sau khi dùng clopidogrel có thể dẫn đến kéo dài thời gian chảy máu và những biến chứng xuất huyết sau đó. Nên xem xét điều trị thích hợp nếu thấy chảy máu. Không có thuốc giải độc đối với hoạt tính dược lý của clopidogrel. Nếu cần chỉnh sửa ngay thời gian chảy máu kéo dài, truyền tiểu cầu có thể đảo ngược được tác dụng của clopidogrel.

BẢO QUẢN: Bảo quản trong bao bì kín ở nhiệt độ phòng không quá 25°C, tránh ánh sáng và ẩm.

ĐÓNG GÓI: Hộp 03 vỉ x 10 viên.

HẠN DÙNG: 36 tháng kể từ ngày sản xuất. Không dùng thuốc quá hạn sử dụng.

SẢN XUẤT BỞI: Teva Pharmaceutical Industries Ltd.
18, Eli Hurvitz St., Ind. Zone, Kfar Saba 44102-Israel

Thư ký
13/11/15